



# PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.

(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)  
SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING – SHIP EVALUATION  
No.32, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be District, HCMC  
Tel: 028 37817289 Fax: 028 37817375  
[www.pioneershipbrokers.com.vn](http://www.pioneershipbrokers.com.vn)

Nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng và cập nhật thông tin thị trường ngày càng tốt hơn, công ty môi giới hàng hải Tiên Phong (Pioneer Shipbrokers) giới thiệu đến quý khách hàng ứng dụng **Pioneer Shipbrokers** có trên iOS và Android. Công cụ hữu ích cho khách hàng quan tâm lĩnh vực mua bán tàu biển và thông tin thị trường

## TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

**TUẦN 24/ 2019**  
18/06/2019 – 24/06/2019

### 1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÃ QUA SỬ DỤNG:

Ở mảng tàu hàng khô, tuần này giá bán tàu 5 vạn trong tuần này giảm nhẹ so với tháng trước nhưng không đáng kể. Ở phân khúc handysize, tàu Nord Tokyo (28.343 dwt đóng 2009 Nhật) được chủ tàu Nhật bán với mức 7,8 triệu đô la Mỹ, mức giá bán này là tốt trong thời điểm hiện nay, nhất là hạn DD/SS sắp đến (tháng 8/2019). Trong thị trường kém, phân khúc tàu bách hóa có quán tính chậm giảm giá hơn tàu phân khúc lớn thì nay các chủ tàu đã giảm giá rõ rệt và các người mua thuận lợi trong việc trả giá với sự cầu thị của người bán. Tàu Vien Dong 5 (6.500 dwt đóng 2006 VN) được bán trao tay trong nước.

Ở mảng tàu dầu, xu hướng của thị trường mua bán tàu tanker diễn ra khá trầm lắng trong tuần vừa qua. Ở phân khúc tàu chở dầu thô, chỉ duy nhất một giao dịch mua bán tàu Aframax được ghi nhận. Đơn cử, chủ tàu Đài Loan – Ever Rich Global đã bán thành công tàu Ever Rich No.18 (105.483 dwt đóng 2003 Nhật) cho người mua Hy Lạp với giá 14,25 triệu đô la Mỹ. Đối với phân khúc tàu chở dầu thành phẩm, chủ tàu Formosa đang được xem là tâm điểm của thị trường sau khi thực hiện chào bán ba tàu cỡ MR, FPMC 22, FPMC 21 và FPMC 20 (~50.990 dwt đóng 2009 Hàn Quốc). Bên cạnh đó, tàu High Efficiency (44.999 dwt đóng 2009 Nhật) cũng đã được chủ tàu Ireland – DM Shipping bán cho người mua Châu Âu với giá 17 triệu đô la Mỹ.

Name	Blt year	Blt place	Dwt	Buyers	Price m.usd	Comment
<b>BULKERS</b>						
<b>Tsunesishi Hull No. 188</b>	2019	China	99,000	Undisclosed	34.00	
<b>Agtr Ambition</b>	2019	China	99,000		34.00	
<b>Brilliant Century</b>	2002	Japan	91,879	Chinese	8.20	
<b>Key Navigator</b>	2014	Japan	81,955	Japanese	23.00	
<b>Thetis</b>	2004	China	73,624	Undisclosed	6.40	
<b>Ultra Innovation</b>	2016	Japan	61,188	Greek, Neptune Dry Management	24.00	1 year TC back (index linked)
<b>Hector</b>	2002	Japan	52,512	Chinese	6.00	
<b>Las Tortolas</b>	2011	Japan	50,633	Navision, Danish	12.30	
<b>Nord Tokyo</b>	2009	Japan	28,343	Undisclosed	7.80	Cr 4x30t, SS/DD due Aug 2019

<b>Vien Dong 5</b>	2006	Vietnam	6,502	Undisclosed	Undisclosed	Single decker, NK+VR SS Oct 2021 DD due Nov 2019, Dr 4x20t
<b>TANKERS</b>						
<b>Ever Rich No. 18</b>	2003	Japan	105,483	Greek	14.25	Epoxy coated
<b>FPMC 22</b>	2010	Korea	50,997	Undisclosed	Undisclosed	Chemical IMO II, zinc coated
<b>FPMC 21</b>	2009	Korea	50,995			Chemical IMO II, epoxy and zinc coated
<b>FPMC 20</b>	2009	Korea	50,994			Chemical IMO II/III, epoxy and zinc coated
<b>High Efficiency</b>	2009	Japan	44,999	European	17.00	Pumproom type, epoxy coated
<b>CONTAINERS</b>						
<b>Hammonia America</b>	2014	China	56,620	Singaporean, Seacon	80.90	Enbloc price, 4986 teu, gless
<b>Hammonia Sapphire</b>	2014	China	56,592			Enbloc price, 4896 teu, gless
<b>Hammonia Virginia</b>	2014	China	55,944			Enbloc price, 4896 teu, gless
<b>JPO Leo</b>	2005	Poland	41,743	Norwegian, Atlantica	6.80	3091 teu
<b>OTHERS</b>						

## 2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Một số đơn hàng đóng mới trong tuần qua:

Type	Size	Price (m.usd)	No	Yard	Owners	Delivery	Comments
Tanker	158,000 dwt	60.00	2	Hyundai H.I., Korea	Alvin International	FH 2021	
Bulker	208,000 dwt	55.50	4	Qingdao Beihai, China	Shandong Shipping	2021	Longterm COA a/c Vale
LNG	169,540 cbm	Undisclosed	1	Daewoo, Korea	Maran Gas	2022	
LNG	86,000 cbm	74.00	1	Hyundai H.I., Korea	KSS Line, Korea	2022	Chartered to Vilma Oil for 5 years TC at US\$ 830,000 pm

## 3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU

### 3.1. Thị trường thuê tàu hàng khô:

Thị trường **Panamax** tiếp tục trì trệ do tình trạng thừa tàu ở phía Bắc, cuối tuần đóng cửa ở mức 9.085 đô la Mỹ. Tại Thái Bình Dương, Louis Drefus chốt tàu Pedhoulas Farmer (81.541 dwt, 2012) nhận tại Yeosu đi Nopac và trả tại Singapore-Japan với giá 10.500 đô la Mỹ trong khi Hyundai Glovis chốt tàu MIM Vangelis JR (76.619 dwt, 2005) nhận Longkou đi New Castle và trả tại Malaysia với giá 9.200 đô la Mỹ. Tại thị trường Đại Tây Dương, Oldendorff chốt tàu Zhao Yang Feng (75.396 dwt, 2012) nhận tại San Ciprian đi Kamsar trả tại Stade với giá 9.000 đô la Mỹ. Đối với các tuyến một chiều, Omerga chốt Star Emerald (82.000 dwt, 2018) nhận tại East Coast America và trả tại South East Asia với giá 15.750 đô la Mỹ cộng 575.000 đô la Mỹ bb. Tuần này không có giao dịch nào ở mảng thuê định hạn.

Mức thuê phân khúc **Supramax** tiếp tục rơi, chốt ở mức 8.152 đô la Mỹ, giảm so với tuần trước là 8.173 đô la Mỹ. Dù khu vực Black sea và East Coast South America cho thấy sự chuyển mình nhẹ nhưng vẫn không







đủ để cải thiện phân khúc này trên thế giới. Tại Đại Tây Dương, Sea Pioneer chốt tàu Arnica (56.106 dwt, 2010) nhận tại Upriver và trả tại Alfenia với giá 14.000 đô la Mỹ. Tàu CP Shanghai (63.608 dwt, 2015) được chốt nhận tại Immingham đi Baltic và trả tại Chin với giá 16.000 dwt. Tại thị trường Ấn Độ Dương, tàu Sagar Kanya (58.609 dwt, 2013) được chốt nhận tại Kandla và trả tại khu vực Singapore-Japan với giá 12.500 đô la Mỹ. Fast Freight chốt tàu Agria (56.805 dwt, 2011) nhận tại Chittagong chờ sắt quặng/viên đi East Coast India và trả tại khu vực Singapore-Japan với giá 11.000 đô la Mỹ. Tại Thái Bình Dương, tàu Ante Topic (60.155 dwt, 2017) được chốt nhận Yeosu đi Nopac và trả tại Japan với giá 8.000 đô la Mỹ. Tàu Alis (57.919 dwt, 2013) được chốt nhận tại Qingdao đi North China và trả tại East Coast India với giá 6.500 đô la Mỹ. Tàu Sage Sanaga (63.500 dwt, 2013) chốt nhận tại South Vietnam đi Indonesia và trả tại South Korea với giá 9.200 đô la Mỹ.

Mức thuê phân khúc **Handy** đóng cửa ở mức 6.276 đô la Mỹ, cao hơn tuần trước một chút là 6.175 đô la Mỹ. Các giao dịch ở Đại Dương Tây với khu vực US Gulf và East Coast South American cho thấy nhiều hứa hẹn nhất. Tin đồn tàu 37k dwt được chốt tại Recalada đi Peru với giá ấn tượng 17.500 đô la Mỹ. Số lượng giao dịch tiếp tục được cải thiện tại US Gulf với mức giá chạm mốc 8-9k đô la Mỹ cho các chuyến đi Continent và Mediterranean. Ngoài khu vực Continent, Balnav chốt tàu Pola Atlantic (33.465 dwt, 2010) chở than đá đi ARAG với mức giá 8.150 đô la Mỹ và tàu WL Ladoga (37.681 dwt, 2014) được chốt nhận tại Antwerp đi Rouen với giá 11.500 đô la Mỹ. Thị trường tại khu vực Mediterrenean và Black Sea vẫn không có thay đổi gì với rất ít giao dịch ngoài khu vực Black Sea. Thị trường tại Thái Bình Dương vẫn tiếp tục yên ắng. Số tàu thừa tăng lên tại phía Bắc do thiếu hụt lượng hàng hóa chuyên chở phù hợp, trong khi đó ở phía Nam có phần khả quan hơn với nhiều hàng hóa được vận chuyển ra khỏi West Coast Australia. Tàu CS Caprice (30.465 dwt, 2010) được chốt nhận ở Busan chờ thép qua CIS đến South East Asia với giá 5.000 đô la Mỹ.

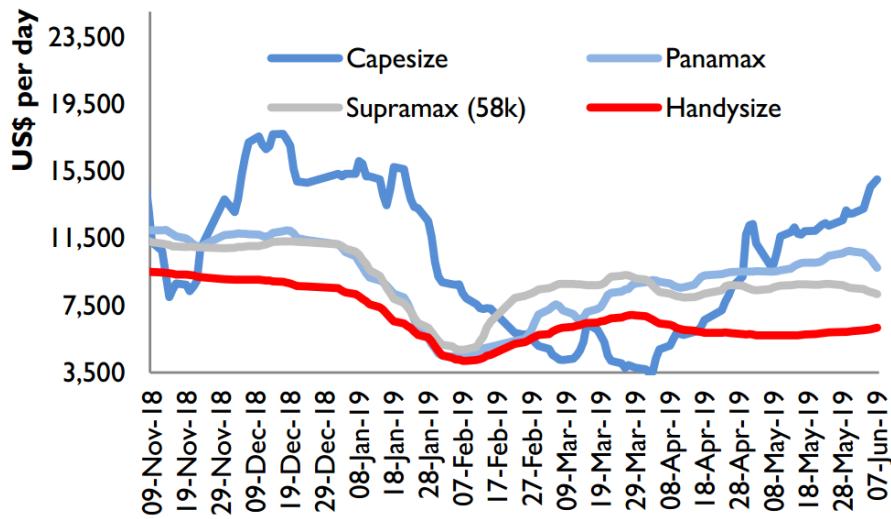
Bảng tham khảo cước một số khu vực trên thế giới trong Tuần 24 vừa qua:

<b>RATES/PANAMAX</b> (USD/DAY, USD/TON)	TUẦN 24	TUẦN 23	Mức thấp nhất năm 2019 (cập nhật tới Tuần 21)	Mức cao nhất năm 2019 (cập nhật tới Tuần 21)
TRANSATLANTIC RV	7,300	10,000	2,200	11,500
TCT CONT/F.EAST	16,900	18,000	1,200	19,000
TCT F.EAST/CONT	3,000	3,000	810	4,000
TCT F.EAST RV	9,800	10,000	4,400	10,000
<b>RATES/SUPRAMAXSIZE</b> (USD/DAY)				
ATLANTIC RV	9,000	9,300	5,000	15,500
PACIFIC RV	6,900	7,100	5,800	80,000
TCT CONT/F.EAST	14,250	13,750	12,000	18,000

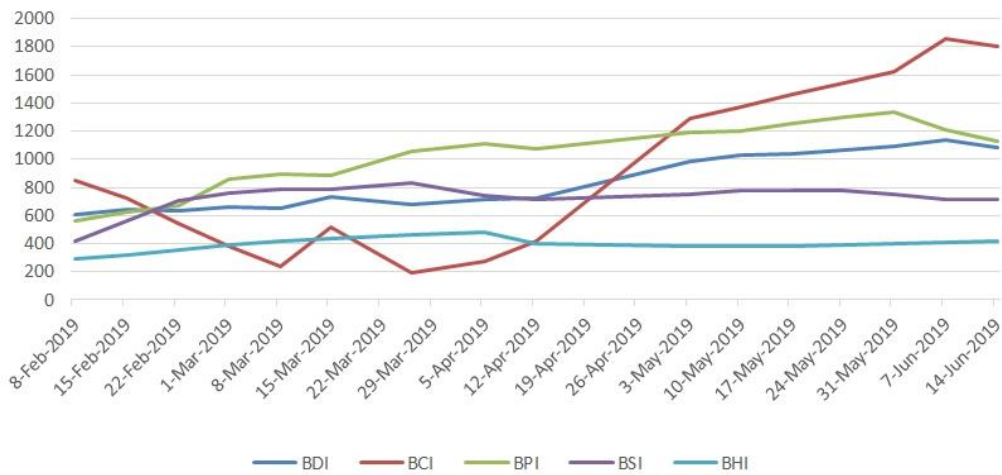
### GIÁ THUÊ TÀU HÀNG KHÔ NGÀY 14/06/2019

	US\$/ngày	 / 
CAPE SIZE	14,203	 804
PANAMAX	9,085	 651
SUPRAMAX	8,152	 21
SMALL HANDY	6,276	 101

(sự tăng / giảm so sánh với giá trị tuần kế trước)



### CHỈ SỐ TÀU THỊ TRƯỜNG HÀNG KHÔ



### 3.2. Thị trường thuê tàu hàng dầu:

#### ❖ THỊ TRƯỜNG TÀU VLCC:

Theo ghi nhận, cước tàu VLCC tại khu vực MEG đang có xu hướng giảm trong tuần vừa qua do các hoạt động đang diễn ra khá hạn chế trên thị trường. So với khu vực MEG, các hoạt động giao dịch tại thị trường Atlantic có phần sôi động hơn với nhu cầu từ khu vực xếp hàng Wafrika.

- Cước thuê tàu theo chuyến:

Voyages	Size	RATE			
		This Week	Last Week	Low 2019	High 2019
MEG/West	VLCC	18,0	18,5	18,0	33,0
MEG/Japan	VLCC	38,0	39,0	36,0	70,0
MEG/Singapore	VLCC	39,0	40,0	36,0	71,5
WAFR/EAST	260.000	39,0	39,0	39,0	73,5

WS

- Cước thuê tàu định hạn:

US\$

Period	Segment	RATE			
		This Week	Last Week	High 2019	Low 2019
1 year	VLCC	36.000	33.000	36.000	28.000

### ❖ THỊ TRƯỜNG TÀU AFRAMAX:

Thị trường tàu Aframax tại North sea và Baltic không có nhiều khởi sắc được diễn ra trong tuần vừa qua. Theo báo cáo, cước trung bình tại khu vực đã có sự điều chỉnh giảm trong vài ngày gần đây. Đơn cử, cước trên tuyến TD 17 – Baltic/UKC đã giảm thêm 2,5 điểm so với tuần trước đó và hiện đang ở mức WS 72,5. Theo đánh giá, người thuê tàu vẫn đang có nhiều sự lựa chọn trên thị trường do nguồn cung tàu sẵn có vẫn đang ở mức cao.

Tại khu vực Med và Black sea, cước trên tuyến TD 19 vẫn tiếp tục giữ ở mức WS 80. Nhìn chung, hàng hóa tại khu vực không đủ để giải phóng hết nguồn cung tàu hiện tại.

- Cước thuê tàu theo chuyến:

WS

Voyages	Size	RATE			
		This Week	Last Week	Low 2019	High 2019
N.Afr/Euromed	80.000	80,0	80,0	80,0	200,0
UK/Cont	80.000	97,5	100,0	80,0	140,0
Caribs/USG	70.000	90,0	82,5	77,5	240,0

- Cước thuê tàu định hạn:

US\$

Period	Segment	RATE			
		This Week	Last Week	High 2019	Low 2019
1 year	Aframax	21.500	20.500	21.500	18.000

### ❖ THỊ TRƯỜNG TÀU MR:

Phân khúc tàu MR phía đông Suez: Theo tổng hợp, cước từ khu vực WC.India đi Japan hiện đang ở mức WS 132,5 giảm hơn 7 điểm so với tuần trước đó. Tại thị trường Far East, cước trên tuyến S.Korea/Japan đã tăng mạnh lên mức \$340'.

Phân khúc tàu MR phía tây Suez: Theo ghi nhận, cước trên tuyến UKC/USAC tiếp tục giảm hơn 10 điểm và hiện đang ở mức WS 102,5. Đối với chiều ngược lại từ khu vực USG, cước ghi nhận ở mức WS 75 tăng hơn 2 điểm so với tuần trước đó.

- Cước thuê tàu theo chuyến:

WS

Voyages	Size	RATE			
		This Week	Last Week	Low 2019	High 2019
WCI/Japan	35.000	132,5	140,0	110,0	185,0
UKC-Med/States	37.000	102,5	117,5	100,0	160,0
USG/UKC-Med	38.000	75,0	72,5	72,5	145,0

- Cước thuê tàu định hạn:

US\$

Period	Segment	RATE			
		This Week	Last Week	High 2019	Low 2019
1 year	MR	13.250	13.250	13.500	13.250

#### 4. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ:

#### GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO

(dành cho tàu có lt ldt > 5.000)

Xếp loại	Giao tại	Tàu hàng rời		Tàu dầu	
		US\$	▼/▲	US\$	▼/▲
1	Bangladesh	410		420	
2	India	405	▼ 10	415	▼ 10
3	Pakistan	400		410	
4	Turkey	260		270	

(đơn vị tính : usd/lt ldt)

#### MỘT SỐ TÀU PHÁ DỠ GHI NHẬN TRONG TUẦN 24/2019

Tên Tàu	Loại tàu	Năm Đóng	Lt LDT	Nước phá dỡ	Giá (US\$/lt ldt)	Dwt	Comments
<b>Green Garnet</b>	Bulker	1996	9,186	India	468.00	48,722	
<b>Rakiura Maru</b>	Bulker	1996	8,502	India	425.00	23,873	
<b>Rotterdam Bridge</b>	Container	2001	16,060	Bangladesh	482.00	50,985	4523 teu
<b>Hongkong Bridge</b>	Container	2001	16,060	Bangladesh	472.00	50,954	4523 teu
<b>Iwashiro</b>	Container	1995	8,175	Undisclosed	415.00	24,381	As in Vietnam
<b>Delphinus</b>	PCC	1991	6,786	India	415.00	10,871	
<b>Trans Pacific 5</b>	PCC	1992	7,780	India	415.00	10,729	

#### CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIÊN PHONG – PIONEER SHIPBROKERS

MUA – BÁN TÀU

Email: [snp@pioneershipbrokers.com.vn](mailto:snp@pioneershipbrokers.com.vn)

Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo. Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên.